VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương có hiệu lực từ ngày 10 tháng 02 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020;

2. Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 28 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Năng lượng;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương như sau.[1]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh

1. Thông tư này quy định trình tự, thủ tục đăng ký, thực hiện dán nhãn năng lượng và thu hồi nhãn năng lượng đối với các phương tiện, thiết bị trong Danh mục

---

[1] Thông tư số 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành."

Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương."

phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng do Thủ tướng Chính phủ ban hành thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương hoặc các phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng theo hình thức tự nguyện *(sau đây gọi chung là phương tiện, thiết bị)*.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng sau:

a) Hàng hóa, vật tư thiết bị tạm nhập - tái xuất; Hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu;

b) Hàng hóa doanh nghiệp trong nước sản xuất, gia công phục vụ xuất khẩu (không tiêu thụ trong nước);

c) Hàng hóa thuộc lĩnh vực an ninh quốc phòng, bí mật quốc gia, an toàn bức xạ hạt nhân;

d) Hàng hóa nhập khẩu phi thương mại: Hành lý cá nhân, hàng hóa ngoại giao; hàng hóa tham gia triển lãm, hội chợ; Quà biếu, tặng; Hàng hóa, vật tư phụ tùng, linh kiện nhập khẩu đơn chiếc phục vụ mục đích sử dụng, thay thế trong các công trình, dự án đầu tư, phục vụ công việc như hội nghị, hội thảo nghiên cứu khoa học, thi đấu thể thao, biểu diễn văn hóa, biểu diễn nghệ thuật và các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh theo quy định của pháp Luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Các nhà sản xuất, nhập khẩu (sau đây gọi là doanh nghiệp) phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng.

2. Các tổ chức thử nghiệm tham gia thử nghiệm phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng.

3. Các cơ quan quản lý hoạt động dán nhãn năng lượng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dán nhãn năng lượng* là việc dán, gắn, in, khắc nhãn năng lượng lên sản phẩm, bao bì, hoặc hiển thị nhãn năng lượng điện tử trên sản phẩm.

2. *Nhãn so sánh* là nhãn cung cấp thông tin về mức tiêu thụ năng lượng, loại năng lượng sử dụng, hiệu suất năng lượng và các thông tin khác giúp người tiêu dùng so sánh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường để nhận biết và lựa chọn phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng.

3. *Nhãn xác nhận* là nhãn chứng nhận phương tiện, thiết bị có hiệu suất năng lượng cao nhất so với phương tiện, thiết bị khác cùng loại.

4. *ILAC* là Hiệp hội công nhận các tổ chức thử nghiệm quốc tế (International Laboratory Accreditation Cooperation).

5. *APLAC* là Hiệp hội công nhận các phòng thử nghiệm Châu Á - Thái Bình Dương (Asia Pacific Laboratory Accreditation Cooperation).

6. *VILAS* là Hệ thống công nhận Phòng thử nghiệm Việt Nam (Vietnam Laboratory Accreditation Scheme).

7. *ISO* là Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (International Organization for Standardization).

8. *IEC* là Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế (International Electrotechnical Commission).

9. *TCVN* là Tiêu chuẩn Việt Nam.

Chương II
THỬ NGHIỆM VÀ DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG

Điều 4. Thử nghiệm hiệu suất năng lượng

1. Tổ chức thử nghiệm dán nhãn năng lượng bao gồm: tổ chức thử nghiệm trong nước (tổ chức thử nghiệm độc lập hoặc phòng thử nghiệm của nhà sản xuất); tổ chức thử nghiệm nước ngoài (tổ chức thử nghiệm độc lập hoặc phòng thử nghiệm của nhà sản xuất).

2. Tổ chức thử nghiệm dán nhãn năng lượng phải đáp ứng Điều kiện sau:

a) Tổ chức thử nghiệm trong nước là tổ chức thử nghiệm đáp ứng quy định tại Chương II Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về Điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

b) Tổ chức thử nghiệm nước ngoài là tổ chức thử nghiệm được công nhận theo Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 (hoặc tương đương) bởi các tổ chức công nhận đã ký kết thỏa ước thừa nhận lẫn nhau (ILAC hoặc APLAC).

3. Căn cứ để thử nghiệm, đánh giá hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị là các TCVN hoặc các quy định của Bộ Công Thương tương ứng.

4. Thử nghiệm mẫu điển hình: Doanh nghiệp tự lấy mẫu phương tiện, thiết bị, số lượng và phương pháp lấy mẫu thử theo tiêu chuẩn tương ứng hoặc theo quy định của Bộ Công Thương và gửi tới tổ chức thử nghiệm để được thử nghiệm và cấp phiếu kết quả thử nghiệm.

5. Kết quả thử nghiệm là cơ sở để dán nhãn năng lượng cho sản phẩm có cùng model cùng thông số kỹ thuật, cùng xuất xứ và cùng cơ sở sản xuất. Kết quả thử nghiệm có hiệu lực vô thời hạn, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện có sai phạm trong kết quả thử nghiệm hoặc có sai phạm, vi phạm của tổ chức thử nghiệm.

Điều 5. Đăng ký dán nhãn năng lượng

1.[2] Trước khi đưa phương tiện, thiết bị ra thị trường, doanh nghiệp sản xuất nhập khẩu phương tiện, thiết bị đó phải lập 01 bộ hồ sơ đăng ký dán nhãn năng lượng và gửi về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.

2. Hồ sơ đăng ký dán nhãn năng lượng bao gồm:

a) Giấy công bố dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng, trong đó nêu rõ doanh nghiệp đăng ký dán nhãn so sánh hay nhãn xác nhận theo mẫu tại Phụ lục 1;

b) Kết quả thử nghiệm do tổ chức thử nghiệm cấp cho model sản phẩm;

c) Tài liệu chứng minh phòng thử nghiệm nước ngoài đã đáp ứng đủ Điều kiện (Đối với trường hợp việc thử nghiệm dán nhãn năng lượng được thực hiện bởi tổ chức thử nghiệm nước ngoài);

d) Mẫu nhãn năng lượng dự kiến.

3. Doanh nghiệp đăng ký dán nhãn năng lượng được lựa chọn hình thức gửi hồ sơ qua mạng internet tại Trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương hoặc gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Bộ Công thương. Trường hợp các hồ sơ, tài liệu tại khoản 2 Điều này bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch sang tiếng Việt và có công chứng.

Điều 6. Dán nhãn năng lượng

1.[3] Sau khi nộp hồ sơ đăng ký dán nhãn năng lượng đến Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, doanh nghiệp được tự thực hiện việc dán nhãn năng lượng phù hợp với thông tin trong Giấy công bố dán nhãn năng lượng cho

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

sản phẩm đã đăng ký. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin đã công bố trong Giấy công bố dán nhãn năng lượng và thông tin hiển thị trên nhãn năng lượng.

2. Nhãn năng lượng được sử dụng thống nhất theo quy định của Bộ Công Thương, hình thức, quy cách nhãn năng lượng quy định tại Phụ lục 2 Thông tư này.

3. Nhãn năng lượng phải có các thông tin cơ bản sau:

a) Tên nhà sản xuất/nhập khẩu đầy đủ hoặc viết tắt;

b) Mã hiệu phương tiện, thiết bị;

c) Thông tin về mức tiêu thụ năng lượng;

d) Tiêu chuẩn hoặc quy định áp dụng.

4. Doanh nghiệp có quyền lựa chọn nhãn năng lượng điện tử đối với các phương tiện, thiết bị phù hợp cho việc sử dụng nhãn năng lượng điện tử hoặc sử dụng nhãn năng lượng khác để thực hiện việc dán nhãn năng lượng.

5. Nhãn năng lượng có thể được thay đổi kích thước tăng, giảm theo tỉ lệ của nhãn để phù hợp với phương tiện, thiết bị nhưng không được gây nhầm lẫn, che lấp hoặc ảnh hưởng tới thông tin ghi trên nhãn hàng hóa theo quy định của pháp Luật.

Điều 7. Đăng ký dán nhãn năng lượng lại

1. Doanh nghiệp phải đăng ký dán nhãn năng lượng lại khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tiêu chuẩn đánh giá thay đổi;

b) Phương tiện, thiết bị đã được đăng ký dán nhãn năng lượng có những thay đổi về mức tiêu thụ năng lượng.

2. Nội dung và thủ tục đăng ký dán nhãn năng lượng lại được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Chương III
KIỂM TRA, GIÁM SÁT, THU HỒI NHÃN NĂNG LƯỢNG

Điều 8. Kiểm tra, giám sát thực hiện dán nhãn năng lượng

1. Định kỳ hoặc đột xuất, Bộ Công Thương phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành kiểm tra việc dán nhãn năng lượng của doanh nghiệp.

2.[4] Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, doanh nghiệp thực hiện dán nhãn năng lượng có trách nhiệm lập báo cáo về số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị đã được sản xuất, tiêu thụ và được dán nhãn năng lượng trong năm theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này và gửi về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công và Sở Công Thương.

3.[5] Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, các tổ chức thử nghiệm có trách nhiệm lập báo cáo về số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị đã được thử nghiệm để dán nhãn năng lượng theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này và gửi về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.

Điều 9. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Tổ chức cá nhân có thể gửi khiếu nại về việc dán nhãn năng lượng đến Bộ Công Thương để giải quyết theo pháp Luật về khiếu nại.

2. Phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng có khiếu nại được lưu mẫu và kiểm tra bởi tổ chức thử nghiệm độc lập.

3. Trường hợp mẫu kiểm tra phương tiện, thiết bị trên thị trường được thử nghiệm không đạt yêu cầu, Bộ Công Thương xem xét quyết định việc kiểm tra tại doanh nghiệp.

4. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khiếu nại phải chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm trong trường hợp khiếu nại không đúng.

---

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020 và được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020 và được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

5. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng phải chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm; chi phí liên quan đến xử lý, khắc phục lỗi; các hình thức xử phạt và hình thức xử phạt bổ sung khác theo quy định của pháp Luật trong trường hợp phương tiện, thiết bị không đạt theo quy định.

Điều 10. Thu hồi nhãn năng lượng

1. Bộ Công Thương quyết định thu hồi nhãn năng lượng trong các trường hợp sau:

a) Mẫu nhãn năng lượng có thông tin sai lệch so với mẫu dự kiến tại hồ sơ đăng ký dán nhãn năng lượng;

b) Mức tiêu thụ năng lượng của phương tiện thiết bị cao hơn so với mức tiêu thụ năng lượng tại Giấy công bố dán nhãn năng lượng.

2. Quyết định thu hồi nhãn năng lượng được gửi đồng thời đến doanh nghiệp vi phạm, Hội tiêu chuẩn và bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN[6]

---

[6] Điều 36 và Điều 37 của Thông tư số 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020 quy định như sau:

*"**Điều 36. Hệ thống thông tin báo cáo điện tử của ngành Công Thương***

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý đáp ứng yêu cầu, nguyên tắc quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm về thời gian, chi phí cho các đối tượng thực hiện báo cáo.

2. Các đối tượng thực hiện báo cáo có thể lựa chọn phương thức gửi báo cáo định kỳ thông qua hình thức trực tuyến trên Hệ thống thông tin báo cáo điện tử của Bộ Công Thương khi hệ thống chính thức hoạt động.

Điều 37. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020.

2. Bãi bỏ các quy định sau:

a) Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 33/2016/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2015 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh.

b) Điều 4 Thông tư số 51/2018/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài

nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

c) Khoản 20 Điều 1 Thông tư số 31/2018/TT-BCT ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

d) Điều 29 Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực

3. Các chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực Công Thương hiện hành phải đảm bảo thời gian chốt số liệu báo cáo theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để được hướng dẫn, giải quyết./.”

Điều 37 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 37. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu thay thế trong các thủ tục hành chính tại Phụ lục I, các biểu mẫu mới quy định trong các thủ tục hành chính tại Phụ lục II.

3. Quy định chuyển tiếp

Các Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận đối với các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp, phê duyệt, chấp thuận trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn tại Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Chứng chỉ, văn bản phê duyệt, văn bản chấp thuận theo quy định.

4. Thông tư này bãi bỏ:

a) Điểm đ khoản 2 Điều 4, khoản 3 Điều 18 Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

b) Cụm từ “Vụ Khoa học và công nghệ” tại điểm a khoản 4 Điều 11; cụm từ “Sở Công Thương” tại ghi chú số (5) Mẫu 01, ghi chú số (7) Mẫu 02 Phụ lục IV Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

c) Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng và nội dung các tài liệu quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí;

d) Điều 17 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

Điều 11. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Xây dựng kế hoạch hàng năm về dán nhãn năng lượng, kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng, đánh giá và chứng nhận, công nhận các tổ chức thử nghiệm.

đ) Cụm từ "theo đường bưu điện" trong nội dung Thông tư số 11/2015/TT-BCT ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

e) Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

g) Điều 2 Thông tư số 43/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

h) Phụ lục 11, 12, 13, 14, 15 ban hành kèm theo Thông tư số 43/2023/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

i) Khoản 1, khoản 2 Điều 18 Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

k) Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử;

l) Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động;

m) Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;

n) Khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

o) Điều 15 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

p) Khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 6, khoản 4 Điều 7, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương."

2. Xây dựng kế hoạch hàng năm về kiểm tra việc dán nhãn năng lượng, tổ chức thực hiện và chỉ đạo các Sở Công Thương thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, phân phối phương tiện, thiết bị thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng.

3. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, ban hành, sửa đổi Tiêu chuẩn Quốc gia về hiệu suất năng lượng và phương pháp xác định hiệu suất năng lượng.

4. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký dán nhãn năng lượng và công bố thông tin liên quan đến việc dán nhãn năng lượng bao gồm danh mục phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng, kết quả thử nghiệm hiệu suất năng lượng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

5. Phối hợp với các cơ quan chức năng giải quyết các khiếu nại, tranh chấp liên quan đến việc đăng ký và dán nhãn năng lượng. Đưa ra phương án xử lý trong trường hợp khiếu nại đúng và có căn cứ hoặc thông báo cho tổ chức, cá nhân khiếu nại trong trường hợp khiếu nại không đúng, thiếu căn cứ.

6. Công bố chi tiết thông tin về thủ tục đăng ký, các biểu mẫu chi tiết cho việc đăng ký dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị trên Trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

7. Yêu cầu các doanh nghiệp thu hồi các phương tiện, thiết bị đã được dán nhãn năng lượng không đúng quy định đang lưu thông trên thị trường.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Thanh tra kiểm tra, giám sát trên địa bàn, việc thực hiện dán nhãn năng lượng đối với các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, phân phối phương tiện thiết bị thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng.

2.[7] Tiếp nhận và tổng hợp thông tin báo cáo của doanh nghiệp về phương tiện thiết bị sản xuất, nhập khẩu thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng tại địa phương hằng năm và các phương tiện, thiết bị đã dán nhãn năng lượng trong năm theo mẫu tại Phụ lục 5 và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020.

về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công[8] trước ngày 15 tháng 3 của năm tiếp theo.

3. Xử lý đề xuất phương án xử lý, kiểm tra việc khắc phục vi phạm của doanh nghiệp có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh vi phạm về dán nhãn năng lượng và báo cáo cho Bộ Công Thương.

4. Thực hiện các công tác quản lý, giám sát khác theo ủy quyền của Bộ Công Thương.

Điều 13. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Lập báo cáo định kỳ về số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị đã được sản xuất, kinh doanh và dán nhãn năng lượng gửi về Bộ Công Thương và Sở Công Thương nơi doanh nghiệp có trụ sở trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

2. Kịp thời báo cáo Bộ Công Thương các chỉ tiêu công nghệ thay đổi, các tác động tăng hoặc giảm các chỉ tiêu tiêu thụ năng lượng của phương tiện, thiết bị, thực hiện đăng ký dán nhãn năng lượng lại theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này khi có các thay đổi về thiết kế, công nghệ làm ảnh hưởng tới mức tiêu thụ năng lượng.

3. Chủ động báo cáo về Bộ Công Thương và cơ quan chức năng tại địa phương, đồng thời tiến hành các biện pháp khắc phục đối với phương tiện, thiết bị đang sản xuất, nhập khẩu hoặc phân phối, lưu thông thị trường cũng như phương tiện, thiết bị trong quá trình sử dụng khi phát hiện phương tiện thiết bị của mình có biểu hiện không phù hợp với tiêu chuẩn đánh giá tương ứng hoặc mức tiêu thụ năng lượng đã đăng ký dán nhãn năng lượng.

4. Thường xuyên thực hiện và duy trì các biện pháp đảm bảo phương tiện, thiết bị đạt mức tiêu thụ năng lượng như đã đăng ký.

5. Thu hồi các phương tiện, thiết bị đã dán nhãn năng lượng không đúng quy định đang lưu thông trên thị trường.

---

[8] Cụm từ "Bộ Công Thương (Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững)"được sửa đổi thành cụm từ "Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công" theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 02 năm 2017 và thay thế Thông tư số 07/2012/TT-BCT ngày 04 tháng 4 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện và thiết bị sử dụng năng lượng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07).

2. Đối với các tổ chức thử nghiệm đã được Bộ Công Thương chỉ định theo quy định của Thông tư số 07, tổ chức thử nghiệm tiếp tục được thực hiện hoạt động cho đến khi hết thời hạn hiệu lực của Quyết định chỉ định phòng thử nghiệm.

3. Đối với các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu phương tiện, thiết bị đã được Bộ Công Thương chứng nhận dán nhãn năng lượng theo quy định của Thông tư số 07, doanh nghiệp được tiếp tục dán nhãn năng lượng cho các phương tiện thiết bị cho đến khi hết thời hạn hiệu lực của Quyết định chứng nhận dán nhãn năng lượng.

4. Bãi bỏ Điều 8 Thông tư số 04/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để kịp thời xử lý./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 49/VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Sinh Nhật Tân

Mẫu số 01[9]

Phụ lục 1
Mẫu Giấy công bố dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng

(Thay thế Phụ lục 1 Thông tư số 36/2016/TT-BCT)

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày.... tháng.... năm....*

GIẤY CÔNG BỐ DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG CHO PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG

Kính gửi: Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công - Bộ Công Thương

Tên doanh nghiệp: .....

Tên đơn vị chủ quản: .....

Trụ sở chính tại: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

E-mail:.....

Sau khi nghiên cứu các điều kiện quy định tại Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện và thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương,

[9] Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương được thay thế bởi Mẫu số 01 Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại khoản 4 Điều 12 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Đề nghị Bộ Công Thương tiếp nhận công bố để doanh nghiệp được dán nhãn năng lượng (nhãn so sánh và/hoặc nhãn xác nhận) đối với các sản phẩm tiêu thụ năng lượng:

1) .....

2) .....

.....

Hồ sơ đính kèm bao gồm:

1) Danh mục các loại phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng (kèm theo);

2) .....

3) .....

.....

Chúng tôi cam kết thực hiện các quy định của Quý cơ quan và chịu trách nhiệm về các khai báo nêu trên.

GIÁM ĐỐC
(Ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên,
- .....

PHỤ LỤC 2

QUY CÁCH MẪU NHÃN NĂNG LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

A. Nhãn năng lượng xác nhận

1. Nhãn năng lượng xác nhận có hình biểu tượng Tiết kiệm năng lượng (hay còn gọi là Ngôi sao năng lượng Việt) được hiển thị trên các phương tiện, thiết bị lưu thông trên thị trường khi những phương tiện, thiết bị này có mức hiệu suất năng lượng bằng hoặc cao hơn mức hiệu suất năng lượng cao do Bộ Công Thương quyết định theo từng thời kỳ.

2. Màu sắc, kích thước nhãn năng lượng xác nhận được quy định cụ thể dưới đây:

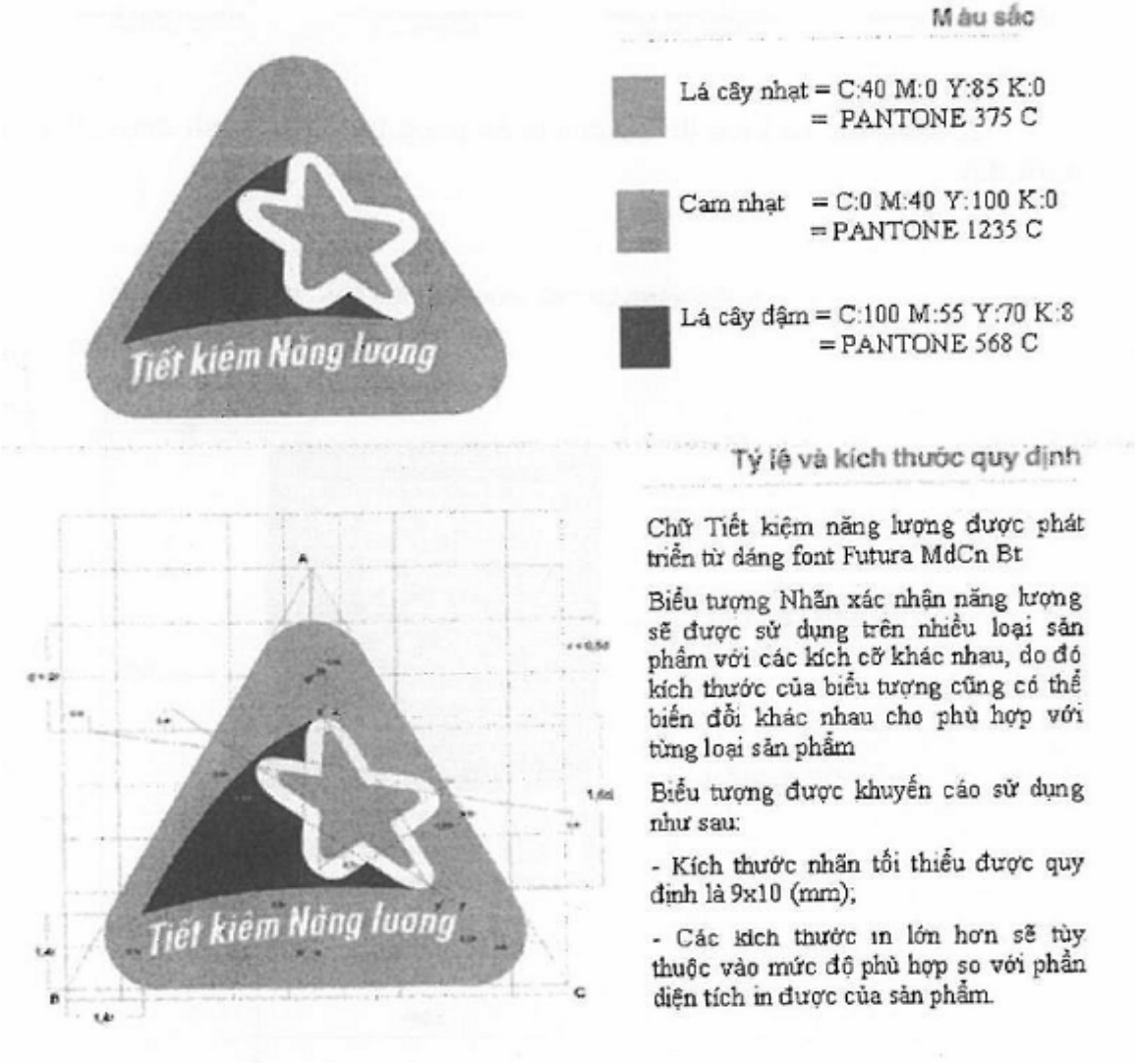

B. Nhãn năng lượng so sánh

1. Nhãn năng lượng so sánh được hiển thị trên phương tiện, thiết bị lưu thông trên thị trường nhằm cung cấp cho người tiêu dùng biết các thông tin về hiệu suất

năng lượng của phương tiện, thiết bị này so với các phương tiện, thiết bị cùng loại khác trên thị trường, giúp người tiêu dùng lựa chọn được phương tiện, thiết bị có mức tiêu thụ năng lượng tiết kiệm hơn.

Mức hiệu suất năng lượng khác nhau ứng với năm cấp hiệu suất năng lượng tương ứng với số sao in trên nhãn, từ một sao đến năm sao, nhãn năm sao là nhãn có hiệu suất tốt nhất.

Hình ảnh nhãn năng lượng so sánh dưới đây tương ứng với 5 cấp hiệu suất năng lượng theo quy định (thể hiện bằng số sao trên nhãn):

2. Màu sắc và kích thước của nhãn năng lượng so sánh được quy định cụ thể dưới đây:

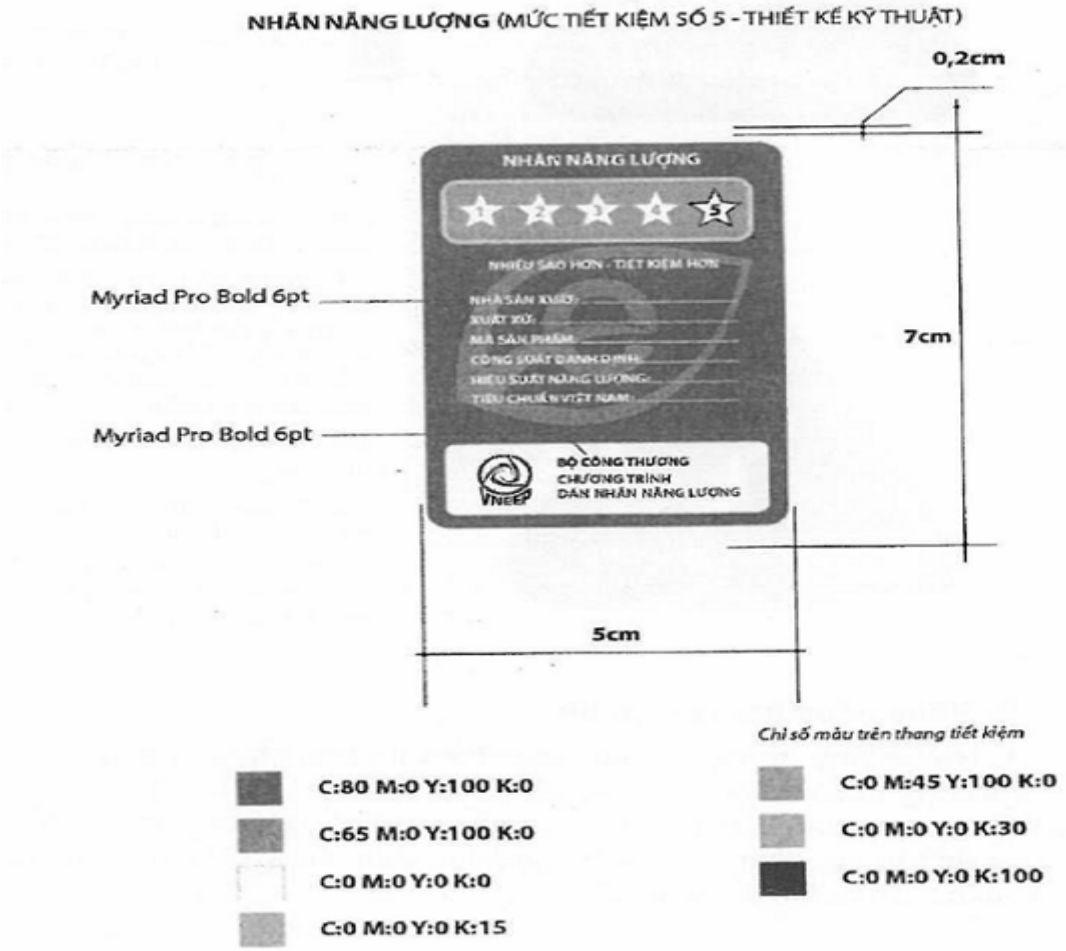

3. Thông tin quy định hiển thị trên Nhãn

Nhãn so sánh năng lượng bao gồm các thông tin tối thiểu sau:

a) **Số sao in trên nhãn năng lượng:** Mức hiệu suất năng lượng khác nhau ứng với 5 cấp hiệu suất năng lượng tương ứng với số sao in trên nhãn, từ một sao đến 5 sao, được xác định dựa trên kết quả thử nghiệm hiệu suất năng lượng của sản phẩm.

b) **Tên nhà sản xuất:** Là tên của tổ chức/doanh nghiệp sản xuất sản phẩm dán nhãn năng lượng;

c) **Xuất xứ:** Thể hiện thông tin quốc gia, tại đó sản phẩm được sản xuất.

d) **Mã sản phẩm:** Là mã hiệu của phương tiện, thiết bị của doanh nghiệp đăng ký dán nhãn.

đ) **Công suất danh định:** Công suất tiêu thụ điện danh định của phương tiện, thiết bị do nhà sản xuất công bố.

e) **Hiệu suất năng lượng:** Là chỉ số hiệu suất năng lượng của thiết bị quy định tại TCVN.

g) **Tiêu chuẩn Việt Nam:** Là tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng áp dụng cho phương tiện, thiết bị.

Mẫu số 02[10]

Phụ lục 3

Mẫu báo cáo định kỳ của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu phương tiện, thiết bị dán nhãn năng lượng

(Thay thế Phụ lục 3 Thông tư số 36/2016/TT-BCT)

.....

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: ...../.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT, NHẬP KHẨU, PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG *(Năm ……...)*

Kính gửi : - Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Bộ Công Thương

- Sở Công Thương tỉnh …..

Tên doanh nghiệp:.....

Tên đơn vị chủ quản:.....

[10] Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương được thay thế bởi Mẫu số 02 Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại khoản 4 Điều 12 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Trụ sở chính tại: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

E-mail:.....

Căn cứ quy định tại Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu phương tiện thiết bị dán nhãn năng lượng báo cáo những nội dung sau:

STT	Tên Sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Model	Đã/ Chưa Dán nhãn TKNL	Hiệu suất năng lượng	Cấp/Mức hiệu suất năng lượng	Tiêu chuẩn TCVN	Thời gian đăng ký dán nhãn năng lượng	Sản lượng tiêu thụ trong kỳ	Ghi chú
I	Sản phẩm 1										
II	Sản phẩm 2										
N	Sản phẩm n										

GIÁM ĐỐC
(Ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03[11]

Phụ lục 4

Biểu mẫu Báo cáo tình hình phương tiện, thiết bị đã thử nghiệm

(Thay thế Phụ lục 4 Thông tư số 36/2016/TT-BCT)

(Tên cơ quan chủ quản)
(Tên tổ chức thử nghiệm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày…… tháng……. năm 20…..

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG

Kính gửi: Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công Bộ Công Thương

1. Tên tổ chức thử nghiệm: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Điện thoại:..... Fax:..... E-mail: .....

Được cấp Giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ thử nghiệm số [....], [ngày/tháng/năm cấp] do [tên cơ quan cấp].

---

[11] Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương được thay thế bởi Mẫu số 03 Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại khoản 4 Điều 12 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ quy định tại Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện và thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, [Tên tổ chức thử nghiệm] xin báo cáo như sau:

TT	**Tên DN thử nghiệm**	**Địa chỉ** *(ghi địa danh tỉnh /thành phố)*	**Lĩnh vực /đối tượng**	**Sản phẩm**	**Mã sản phẩm**	**Tên tiêu chuẩn thử nghiệm**	**Kết quả thử nghiệm (số....)**	**Ghi chú**
			Thiết bị gia dụng	Quạt				
			Thiết bị văn phòng	Máy in				
			Công nghiệp					

4. Các kiến nghị, đề xuất (nếu có).

Đại diện có thẩm quyền

(Ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 06[12]

PHỤ LỤC 5

Mẫu báo cáo định kỳ của Sở Công Thương về phương tiện, thiết bị sản xuất, nhập khẩu dán nhãn năng lượng

(Thay thế Phụ lục 5 Thông tư số 42/2019/TT-BCT)

UBND…….. **SỞ CÔNG THƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …../……	*….., ngày…… tháng….. năm…….*

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG VỀ PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ SẢN XUẤT NHẬP KHẨU DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG *(Năm……)*

Kính gửi: Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công

Sở Công Thương tỉnh……. tổng hợp thông tin báo cáo của doanh nghiệp về phương tiện, thiết bị sản xuất, nhập khẩu thuộc Danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng tại địa phương hàng năm và các phương tiện, thiết bị đã dán nhãn năng lượng trong năm…….

Số Doanh nghiệp thực hiện báo cáo theo Phụ lục 3, Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương…… Doanh nghiệp.

Số Doanh nghiệp không báo cáo:…… Doanh nghiệp.

[12] Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành được thay thế bởi Mẫu số 06 Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại khoản 2 Điều 114 của Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

STT	Tên Sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Model	Đã/Chưa Dán nhãn TKNL	Hiệu suất năng lượng	Cấp/Mức hiệu suất năng lượng	Tiêu chuẩn TCVN	Thời gian đăng ký dán nhãn năng lượng	Sản lượng tiêu thụ trong kỳ	Ghi chú
	Doanh nghiệp 1.	**Địa chỉ:**									
I	Sản phẩm 1										
II	Sản phẩm 2										
	Doanh nghiệp 2.	**Địa chỉ:**									
I	Sản phẩm 1										
II	Sản phẩm 2										
	Doanh nghiệp n										

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,…

GIÁM ĐỐC
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.44243
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website	http://congbao.chinhphu.vn